

Số: 26/2008/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 12 năm 2008.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định phân vùng, phân khu vực, phân loại đường phố và  
phân vị trí đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Quyết định số 301/2006/QĐ-UBND ngày 27/11/2006; Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND ngày 06/9/2007 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về công nhận 3 khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển;

Căn cứ Thông tư số 145/2007/TT-BTC ngày 06/12/2007 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 21/9/2008 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc Ban hành Quy định về tiêu chí phân vùng, phân loại đường phố, phân vị trí đất làm căn cứ phân vùng, phân loại đường phố, phân vị trí đất để định giá đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2008/NQ-HĐND ngày 27 tháng 11 năm 2008 kỳ họp thứ 11 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, về việc giá các loại đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2009;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1862/TTr-STC ngày 19 tháng 11 năm 2008 về việc “Đề nghị ban hành quy định phân vùng, phân khu vực,

phân loại đường phố, phân vị trí đất và giá các loại đất năm 2009 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2009”,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng phân vùng, phân khu vực, phân loại đường phố, phân vị trí đối với các loại đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, gồm:

### **I- Nhóm đất nông nghiệp**

1- Đối với đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất rừng sản xuất

a) Phân vùng khu vực đất: PKV-ĐNN

b) Phân vị trí đất nông nghiệp

*(Chi tiết có biểu số 01, 02, 03, 04 kèm theo).*

2- Việc phân vị trí đối với rừng phòng hộ, rừng đặc dụng được căn cứ phân vị trí đất rừng sản xuất liền kề hoặc vị trí tại vùng lân cận gần nhất; Đất nông nghiệp khác được căn cứ phân vị trí đối với đất nông nghiệp liền kề hoặc vị trí tại vùng lân cận gần nhất.

### **II- Nhóm đất phi nông nghiệp:**

1- Đất ở tại đô thị: *(Chi tiết có biểu số 06 kèm theo).*

2- Đất ở tại nông thôn

a) Đối với đất ở tại nông thôn các vị trí ven trục đường giao thông chính (quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện); các đầu mối giao thông; khu công nghiệp; khu thương mại; khu du lịch: Không thực hiện phân loại vị trí.

b) Đất ở tại nông thôn các vị trí còn lại: *(Chi tiết có biểu số 05 kèm theo).*

**Điều 2.** Bảng phân vùng, phân khu vực, phân loại đường phố, phân vị trí đối với các loại đất quy định tại Điều 1 Quyết định này là căn cứ để xác định giá đất thực hiện các chính sách pháp luật về đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất kể từ năm 2009.

**Điều 3.** Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương và Cục Thuế căn cứ chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 41/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2007 của UBND tỉnh Tuyên Quang Quy định về phân loại đất và giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2008.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB-Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính; Bộ KH và ĐT;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Xây dựng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế NSHĐND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Như Điều 4 (thực hiện);
- Các CV;
- Lưu: VT (Hoa TC25)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Châu Văn Lâm**